

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**KẾT QUẢ ĐIỂM ƯU TIÊN XÉT TUYỂN, ĐIỂM THI NĂNG KHIẾU TĐTT**  
**Đợt thi Năng khiếu Bổ sung: Ngày 12/8/2023**

STT	P THI	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM	NGÀNH XT	GHI CHÚ
1	15	TTD23.1004	NGUYỄN THÀNH TÙNG	30/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
2	15	TTD23.1008	HỒ NGỌC HƯNG THỊNH	27/03/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
3	15	TTD23.1019	LÊ THÀNH CÔNG	02/02/2005	Nam	9.0	HLTT	UTXT
4	15	TTD23.1023	ĐỖ VĂN TUẤN	07/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
5	15	TTD23.1024	NGUYỄN CÔNG TUẤN ANH	01/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
6	15	TTD23.1025	DƯƠNG VĂN TIÊN	23/09/1996	Nam	10.0	HLTT	UTXT
7	15	TTD23.1027	VŨ DUY ANH	13/08/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
8	15	TTD23.1028	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	24/06/2004	Nam	10.00	HLTT	UTXT
9	15	TTD23.1029	LÊ NGUYỄN VĂN THỌ	10/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
10	15	TTD23.1030	ĐỖ NHƯ CHIẾN	09/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
11	15	TTD23.1031	PHÙNG ANH TIẾN	20/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
12	15	TTD23.1032	TRẦN THỊ THẢO NHÂN	10/11/1995	Nữ	10.0	HLTT	UTXT
13	15	TTD23.1033	HUỖNH ĐỖ ĐẠT	08/07/2005	Nam	10.0	HLTT	UTXT
14	15	TTD23.1034	VÕ THÁI BẢO	30/11/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
15	15	TTD23.1035	HUỖNH TRUNG ĐẠT	08/04/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
16	15	TTD23.1036	HOÀNG VIỆT ANH	24/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
17	15	TTD23.1037	BÙI QUỐC THANH TÙNG	08/08/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
18	15	TTD23.1038	ÔNG ĐỨC PHÚ	27/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
19	15	TTD23.1039	PHẠM THỊ VÂN	21/01/2005	Nữ	10.0	HLTT	UTXT
20	15	TTD23.1040	LÊ THỊ NHI	02/11/2003	Nam	10.0	HLTT	UTXT
21	15	TTD23.1041	LƯƠNG THỊ THANH TRANG	03/03/2005	Nữ	10.0	HLTT	UTXT
22	15	TTD23.1042	NGUYỄN VŨ THỊNH	10/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
23	15	TTD23.1050	HUỖNH NGỌC AN	01/01/2005	Nam	9.00	HLTT	
24	15	TTD23.1051	NGUYỄN TRƯỜNG AN	07/04/2005	Nam	8.75	HLTT	
25	15	TTD23.1056	TRẦN ĐẶNG VĂN ANH	20/05/2005	Nam	8.50	HLTT	
26	15	TTD23.1058	TRẦN TUẤN ANH	17/05/2005	Nam	8.50	HLTT	
27	15	TTD23.1067	NGUYỄN VĂN CẢNH	23/08/2005	Nam	8.50	QLTT	
28	15	TTD23.1070	NGÔ VĂN CHƯƠNG	08/07/2005	Nam	8.50	HLTT	
29	15	TTD23.1071	TRẦN NGUYỄN QUỐC CHƯƠNG	18/11/2005	Nam	9.25	HLTT	
30	15	TTD23.1074	HUỖNH THẾ CƯỜNG	13/07/2005	Nam	8.50	HLTT	
31	15	TTD23.1081	NGUYỄN LÊ TẤN ĐẠT	14/11/2005	Nam	10.0	HLTT	
32	15	TTD23.1087	TRƯƠNG TIẾN DŨNG	01/11/2005	Nam	8.25	HLTT	
33	15	TTD23.1088	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	05/04/2005	Nam	8.00	HLTT	
34	15	TTD23.1089	A ĐƯỜNG	20/01/2005	Nam	8.25	HLTT	

STT	P	SỐ BẢO DANH	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	GIỚI TÍNH	DIỆM	NGÀNH	GHI CHÚ
78	15	TTD23.1226	NGUYỄN THÁI YẾN	23/02/2005	Nam	8.50	HLTT	
77	15	TTD23.1224	TÔ VĂN VŨ	30/12/2005	Nam	8.75	HLTT	
76	15	TTD23.1222	A VINH	15/06/2003	Nam	10.00	HLTT	
75	15	TTD23.1217	VÕ VĂN BẢO TŨ	20/04/2005	Nam	6.50	HLTT	
74	15	TTD23.1211	PHẠM QUỐC TRÚC	02/02/2005	Nam	8.50	HLTT	
73	15	TTD23.1209	A TRÔNG	21/06/2005	Nam	9.00	HLTT	
72	15	TTD23.1207	NGUYỄN KIM QUYẾT TRÍ	29/07/2005	Nam	9.00	HLTT	
71	15	TTD23.1206	LÊ THỊ THANH TRÀ	06/11/2005	Nữ	9.50	HLTT	
70	15	TTD23.1202	LÊ QUANG TIN	21/05/2005	Nam	9.00	HLTT	
69	15	TTD23.1199	LÀ LAY THỨC	30/08/2004	Nam	7.75	HLTT	
68	15	TTD23.1198	LÊ VĂN THỤẬN	01/05/2005	Nam	8.75	HLTT	
67	15	TTD23.1197	HỒ THANH THOẢNG	28/10/2004	Nam	8.50	HLTT	
66	15	TTD23.1194	VÕ HOÀNG THIÊN	05/05/2005	Nam	8.25	HLTT	
65	15	TTD23.1192	NGUYỄN TOÀN THẶNG	05/12/2004	Nam	8.75	HLTT	
64	15	TTD23.1191	TRẦN XUÂN THÁI	25/06/2005	Nam	8.00	HLTT	
63	15	TTD23.1188	NGUYỄN DUY TẤN	13/03/2005	Nam	8.25	HLTT	
62	15	TTD23.1186	A SƠN	15/01/2005	Nam	8.75	HLTT	
61	15	TTD23.1184	ĐẶNG TRÔNG SANG	09/01/2005	Nam	8.75	HLTT	
60	15	TTD23.1180	NGUYỄN VĂN QUÝ	07/10/2005	Nam	7.75	HLTT	
59	15	TTD23.1178	LÊ TRUNG QUỐC	28/05/2005	Nam	9.50	HLTT	
58	15	TTD23.1175	ĐINH VĂN QUANG	12/03/2005	Nam	8.00	QLTT	
57	15	TTD23.1172	NGUYỄN THÀNH PHƯỚC	07/01/2004	Nam	9.75	HLTT	
56	15	TTD23.1170	NGUYỄN TẤN PHÚC	28/11/2001	Nam	9.50	HLTT	
55	15	TTD23.1166	VÕ MAI HẢI PHŨ	29/07/2005	Nam	9.50	HLTT	
54	15	TTD23.1158	HỒ NGỌC NY	25/10/2004	Nam	9.00	HLTT	
53	15	TTD23.1156	NGUYỄN VĂN SĨ MIỆ	03/06/2005	Nam	8.00	HLTT	
52	15	TTD23.1154	ĐẶNG HUYNH NHƯ	26/06/2005	Nữ	8.25	HLTT	
51	15	TTD23.1153	NGUYỄN MINH NHẬT	09/03/2005	Nam	8.50	HLTT	
50	15	TTD23.1151	LÊ BÀ NGUYỄN	09/12/2005	Nam	9.00	HLTT	
49	15	TTD23.1133	ĐẶNG NGỌC HÙNG LỘC	03/01/2004	Nam	8.25	HLTT	
48	15	TTD23.1130	TRƯƠNG DUY LÀNH	07/08/2005	Nam	9.75	HLTT	
47	15	TTD23.1127	HUYNH TẤN KIẾT	24/02/2004	Nam	9.50	HLTT	
46	15	TTD23.1125	NGUYỄN BẢO ANH KHOA	03/01/2005	Nam	7.25	HLTT	
45	15	TTD23.1123	TRẦN QUỐC KHÁNH	17/09/2005	Nam	9.25	HLTT	
44	15	TTD23.1120	NGUYỄN PHÚC LÂM KHANG	21/01/2095	Nam	10.0	HLTT	
43	15	TTD23.1117	VÌ CAO MẠNH HUYNH	01/12/2005	Nam	9.50	HLTT	
42	15	TTD23.1116	TRẦN QUỐC HUY	10/06/2005	Nam	9.00	HLTT	
41	15	TTD23.1115	TRẦN CÔNG HUY	01/03/2004	Nam	8.75	HLTT	
40	15	TTD23.1114	PHAN THANH HUY	19/11/2005	Nam	7.75	HLTT	
39	15	TTD23.1112	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	28/08/2005	Nam	9.00	HLTT	
38	15	TTD23.1110	LÊ CHẶN HÙNG	01/02/2005	Nam	9.75	HLTT	
37	15	TTD23.1104	NGUYỄN VĂN HOÀ	24/01/2005	Nam	9.25	HLTT	
36	15	TTD23.1098	VŨ THỊ HOÀNG HẠN	28/10/2005	Nữ	9.00	HLTT	
35	15	TTD23.1090	HOÀNG THÀNH DUY	17/11/2004	Nam	8.50	HLTT	

HỘI ĐỒNG
   
 NĂNG

STT	P THI	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM	NGÀNH XT	GHI CHÚ
79	15	TTD23.1230	NGUYỄN QUANG LIÊM	23/11/2005	Nam	6.50	HLTT	
80	15	TTD23.1231	A HUNG	20/11/2005	Nam	8.50	HLTT	
81	15	TTD23.1232	MAI TRẦN QUANG HUY	05/03/2005	Nam	8.50	HLTT	
82	15	TTD23.1233	KIỀU THANH TÙNG	23/03/2005	Nam	7.25	HLTT	
83	15	TTD23.1234	TRẦN ĐÌNH BÌNH	12/03/2005	Nam	8.50	HLTT	
84	15	TTD23.1235	A VIN	08/11/2004	Nam	8.00	HLTT	
85	15	TTD23.1236	NGÔ NGỌC QUỐC	16/07/2005	Nam	7.75	HLTT	
86	15	TTD23.1237	ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC	17/05/2005	Nam	8.75	HLTT	
87	15	TTD23.1238	NGUYỄN ĐỨC RIN	01/01/1994	Nam	8.00	HLTT	
88	15	TTD23.1239	TỪ CÔNG HẢI	29/05/2004	Nam	7.50	HLTT	
89	15	TTD23.1240	NGUYỄN THUẬN BẢO VIỆT	28/03/2004	Nam	9.00	HLTT	UTXT
90	15	TTD23.1241	HOÀNG THỊ TRANG	17/08/2004	Nữ	9.00	HLTT	UTXT
91	15	TTD23.1242	PHẠM HUỖNH YẾN THU	01/01/2005	Nữ	10.0	HLTT	UTXT
92	15	TTD23.1243	ĐỖ HÀ TÂM	16/08/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
93	15	TTD23.1244	NGUYỄN NGỌC PHÚ	10/02/2002	Nam	9.00	HLTT	UTXT
94	15	TTD23.1500	NGUYỄN ĐẶNG VŨ CHƯƠNG	03/01/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
95	15	TTD23.1501	TRẦN ĐÌNH HÀO	18/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
96	15	TTD23.1502	HOÀNG HẢI LUÂN	06/07/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
97	15	TTD23.1503	ĐÀO VĂN CẨM	12/03/2005	Nam	10.0	HLTT	UTXT
98	15	TTD23.1504	ĐINH VĂN KHUYẾN	09/09/2004	Nam	9.00	HLTT	UTXT
99	15	TTD23.1505	NGÔ TRƯỜNG NGUYỄN ĐẠI	12/06/2005	Nam	10.0	HLTT	UTXT
100	15	TTD23.1506	NGUYỄN QUÝ	10/06/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
101	15	TTD23.1507	LÊ HOÀNG YẾN	15/12/2004	Nữ	9.00	HLTT	UTXT
102	15	TTD23.1508	KPÁ ĐAN	20/05/2005	Nam	9.00	HLTT	UTXT
103	15	TTD23.1509	NGUYỄN THANH NHÂN	23/04/2004	Nam	9.00	HLTT	UTXT
104	15	TTD23.1510	PHẠM NGUYỄN MINH QUÂN	17/06/2005	Nam	9.00	QLTDTT	UTXT
105	15	TTD23.1511	LƯƠNG TRUNG THỊNH	16/12/2005	Nam	9.00	QLTDTT	UTXT
106	15	TTD23.969	NGUYỄN TRUNG KHÁN	08/01/2005	Nam	10.0	HLTT	UTXT

Danh sách này có 106 thí sinh  
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



ThS Hoàng Ngọc Việt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Phan Thanh Hải